

Số: 3275/QĐ-ĐHSPHN2

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng
ngành Quản lý giáo dục**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

Căn cứ Quyết định số 128/CP ngày 14 tháng 8 năm 1967 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục học đại học;

Căn cứ Quyết định số 1543/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2 ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ở trường ĐHSP Hà Nội 2.

Căn cứ Kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo tại Biên bản họp ngày 20 tháng 12 năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

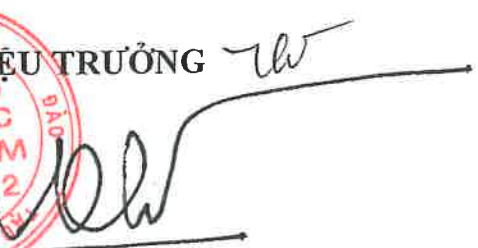
Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Quản lý giáo dục, mã số: 8140114

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng: TC-HC, Đào tạo, Tài vụ; trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: TC-HC, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG  

Nguyễn Quang Huy

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 3235/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 29 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình:

Tiếng Việt: Quản lý giáo dục

Tiếng Anh: Education Management

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Quản lý giáo dục;

Mã số: 8140114

Tên gọi văn bằng: Thạc sĩ Quản lý giáo dục

Định hướng đào tạo: Định hướng ứng dụng

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 02 năm

Vị trí việc làm: Lãnh đạo, quản lý và chuyên viên ở các tổ chức, cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục và đào tạo, viện nghiên cứu giáo dục...; Cán bộ nghiên cứu và giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng có liên quan đến ngành đào tạo.

Khả năng học tập nâng cao trình độ: học tập ở trình độ tiến sĩ về Quản lý giáo dục và các ngành về quản trị

Thời điểm điều chỉnh CTĐT: Tháng 12/2023

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ Quản lý giáo dục theo định hướng ứng dụng giúp người học có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu, khả năng phát triển các kết quả nghiên cứu cơ bản, năng lực ứng dụng các tri thức khoa học để xây dựng và triển khai hiệu quả các giải pháp, quy trình quản lý trong lĩnh vực quản lý giáo dục, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thực tiễn giáo dục và đào tạo.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mã	Mô tả
M1	Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, ý thức công dân và đạo đức nghề nghiệp
M2	Hình thành nền tảng kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng và hiện đại liên quan đến lĩnh vực quản lý giáo dục
M3	Phát triển tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến
M4	Phát triển năng lực ứng dụng, chuyển giao các kết quả nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực quản lý giáo dục
M5	Phát triển năng lực truyền bá, phổ biến tri thức khoa học thuộc lĩnh vực quản lý giáo dục

Mã	Mô tả
M6	Phát triển năng lực xây dựng và triển khai hiệu quả các giải pháp, quy trình quản lý trong lĩnh vực quản lý giáo dục
M7	Phát triển năng lực phân tích, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục trong thực tiễn nhà trường
M8	Phát triển năng lực tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có thể:

Mã	Mô tả	Chỉ số thực hiện
C1	Thể hiện tư duy, thế giới quan và phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vững chắc trong nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học chuyên ngành. Trên cơ sở lý luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận giải được đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.	C1.1. Vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vào nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học chuyên ngành C1.2. Luận giải được đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.
C2	Thể hiện sự trung thực, đoàn kết, cầu thị, hợp tác, tư duy độc lập, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc	C2.1. Có tinh thần trách nhiệm, cầu thị, đoàn kết và hợp tác trong công việc C2.2. Trung thực, có tư duy độc lập, sáng tạo trong công việc
C3	Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	C3.1. Hiểu được những nội dung chính của một văn bản tiếng Anh C3.2. Sử dụng tiếng Anh thành thạo trong giao tiếp hàng ngày C3.3. Viết được văn bản tiếng Anh đúng theo yêu cầu
C4	Khai thác hiệu quả và sáng tạo các ứng dụng công nghệ trong quản lý nhà trường	C4.1. Khai thác được các ứng dụng công nghệ trong hoạt động quản lý giáo dục C4.2. Sử dụng có hiệu quả và sáng tạo các ứng dụng công nghệ trong hoạt động quản lý giáo dục
C5	Vận dụng kiến thức kiến thức cơ sở của các khoa học liên quan để xây dựng và triển khai hiệu quả các giải pháp, quy trình quản lý trong lĩnh vực quản lý giáo dục	C5.1. Xây dựng được các giải pháp, quy trình trên cơ sở vận dụng kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực quản lý giáo dục C5.2. Triển khai có hiệu quả các các giải pháp, quy trình trong lĩnh vực quản lý giáo dục

Mã	Mô tả	Chỉ số thực hiện
C6	Ứng dụng, phát triển các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý giáo dục vào thực tiễn quản lý giáo dục nói chung và quản lý nhà trường nói riêng	C6.1. Ứng dụng được các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn quản lý nhà trường C6.2. Phát triển được các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý giáo dục
C7	Vận dụng thành thạo các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục để triển khai các nghiên cứu ứng dụng trong quản lý giáo dục.	C7.1. Triển khai được các nghiên cứu ứng dụng trong đó có vận dụng các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
C8	Phổ biến kết quả nghiên cứu, giải pháp thực tiễn trong các hội nghị/hội thảo/tạp chí khoa học ngành giáo dục học	C8.1. Trình bày được kết quả nghiên cứu tại các hội nghị/hội thảo/tạp chí khoa học ngành giáo dục học
C9	Phân tích và đánh giá được kết quả cải tiến các nhiệm vụ thực tiễn thuộc lĩnh vực quản lý giáo dục	C9.1. Phân tích được kết quả cải tiến các nhiệm vụ thực tiễn thuộc lĩnh vực quản lý giáo dục. C9.2. Đánh giá được kết quả cải tiến các nhiệm vụ thực tiễn thuộc lĩnh vực quản lý giáo dục.
C10	Tham gia đào tạo, bồi dưỡng về lĩnh vực quản lý giáo dục	C10.1. Tổ chức được hội nghị khoa học, các sinh hoạt học thuật thuộc ngành quản lý giáo dục

2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể							
	M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8
C1	x		x	x			x	x
C2	x		x	x	x		x	
C3				x	x	x		x
C4		x	x	x	x		x	
C5		x	x	x		x		
C6		x		x	x	x		x
C7		x		x		x		x
C8				x	x	x		
C9						x	x	
C10					x		x	

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Kiến thức chung	16
I.1	Triết học	4
I.2	Tiếng Anh/Chuyên môn	12
II	Kiến thức cơ sở ngành	14

II.1	Bắt buộc	6
II.2	Tự chọn	8
III	Kiến thức chuyên ngành	15
III.1	Bắt buộc	9
III.2	Tự chọn	6
IV	Thực tập	6
V	Đề án/Dự án tốt nghiệp	9
	TỔNG	60

4. Chuẩn đầu vào

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp;
Có trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

* Ngành phù hợp: Cử nhân Quản lý giáo dục.

* Ngành chưa phù hợp, phải học bổ sung kiến thức: các ngành thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục, đào tạo giáo viên, quản lí, quản trị,...

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo thực hiện theo phương thức tín chỉ, được tổ chức theo từng năm học và học kỳ. Cụ thể, người học:

- Đăng ký kế hoạch học tập trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, khối lượng tín chỉ tối đa và tối thiểu được phép đăng ký trong mỗi học kỳ tuân thủ Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2.

- Hoàn thành các học phần theo yêu cầu của chương trình đào tạo với tổng khối lượng 45 tín chỉ (không tính thực tập và đề án tốt nghiệp).

- Hoàn thành việc thực tập với khối lượng 06 tín chỉ.

- Hoàn thành 01 đề án/dự án nghiên cứu trong thời gian ít nhất 03 tháng, kết quả được thể hiện bằng một bản báo cáo đề án (bản thuyết minh quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đề án).

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Người học được công nhận tốt nghiệp khi:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo; thực tập và bảo vệ đề án đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường;

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

6. Cách thức đánh giá

6.1. Chiến lược đánh giá

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.
- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

6.2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

6.2.1. Đánh giá học phần

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm học phần. Điểm học phần được tính từ tổng điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Số lượng điểm thành phần, hình thức đánh giá và trọng số mỗi điểm thành phần thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần.

Kết quả học tập học phần chỉ được xếp loại đạt khi điểm học phần từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10.

6.2.2. Đánh giá sau từng học kỳ

Kết quả học tập được đánh giá sau từng học kỳ qua các chỉ tiêu sau:

1. Khối lượng kiến thức tích lũy: tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá tính từ đầu khóa học.

2. Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình cộng có trọng số của các điểm học phần (đã quy đổi theo thang điểm 4) mà người học đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xét, với trọng số là số tín chỉ của từng học phần.

6.2.3. Đánh giá đề án/dự án tốt nghiệp

Đề án được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng. Buổi bảo vệ được tổ chức công khai, trừ những đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật theo quy định của Nhà nước. Trong trường hợp đề án/dự án không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung để được đánh giá lần thứ hai trong thời hạn 45 ngày tính từ ngày họp hội đồng đánh giá lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá đề án/dự án lần thứ ba.

7. Nội dung chương trình

7.1. Khung chương trình

TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành		
I. Khối kiến thức chung			16					
I.1. Bắt buộc			4					
1	Triết học	PHIL502	4	42	36			122
II.2. Tự chọn								
2	Tự chọn 1 (Ngoại ngữ)		12					
	Tiếng Anh B21	ENGL503	4	30	60			110
	Tiếng Anh B22	ENGL504	4	30	60			110
	Tiếng Anh B23	ENGL505	4	30	60			110
	Tự chọn 2 (Dành cho lưu học sinh)		12					
	Tiếng Việt nâng cao	VNSL506	4	30	60			110
	Lịch sử, địa lí Việt Nam	VNHG507	4	45	30			125
	Văn hóa và các dân tộc Việt Nam	VNCN508	4	45	30			125
II. Khối kiến thức cơ sở ngành			14					
II.1. Bắt buộc			6					
3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	EDSC511	2	15	30			55
4	Tâm lí học giáo dục	EDSC512	2	15	30			55
5	Hoạt động giáo dục địa phương	EDSC514	2				100	
II.2. Tự chọn (Chọn 4 trong số 8 học phần sau)			8					
6	Tiếp cận năng lực trong phát triển nghề nghiệp giáo viên	EDSC513	2	15	30			55
7	Chương trình, phương pháp và kĩ năng dạy học hiện đại	CMMS504	2	15	30			55
8	Chuẩn giáo dục và lí thuyết chương trình giáo dục	EDSC521	2	15	30			55
9	Văn hóa nhà trường hiện đại	EDSC522	2	15	30			55
10	Giáo dục so sánh	EDSC523	2	15	30			55
11	Tâm lý học quản lý, lãnh đạo	EDMA524	2	15	30			55
12	Kinh tế học giáo dục	EDMA525	2	15	30			55
13	Xã hội học giáo dục	EDMA526	2	15	30			55
III. Khối kiến thức chuyên ngành			15					
III.1. Bắt buộc			9					

TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành		
14	Những vấn đề cơ bản của quản lý giáo dục	EDMA541	3	30	30			90
15	Tiếp cận quản lý giáo dục hiện đại	EDMA542	3	30	30			90
16	Quản lý nhà trường từ góc nhìn thực tiễn	EDMA545	3				150	
III.2. Tự chọn (Chọn 3 trong số 8 học phần sau)			6					
17	Thế chế nhà nước trong giáo dục	EDMA543	2	15	30			55
18	Phát triển chính sách và chiến lược trong giáo dục	EDMA551	2	15	30			55
19	Quản lý chương trình giáo dục	EDMA552	2	15	30			55
20	Quản lý nhân sự và nguồn nhân lực trong giáo dục	EDMA553	2	15	30			55
21	Quản lý tài chính và hạ tầng vật chất-kỹ thuật trong giáo dục	EDMA554	2	15	30			55
22	Quản lý chuyên môn trong giáo dục	EDMA555	2	15	30			55
23	Dự báo, thống kê và thông tin giáo dục	EDMA556	2	15	30			55
24	Quản lý chất lượng trong giáo dục	EDMA557	2	15	30			55
IV. Thực tập chuyên ngành			6					
V. Đề án/Dự án tốt nghiệp			9					
TỔNG CỘNG:			60					

7.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra

Học phần	Chuẩn đầu ra										
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	
PHIL502	T	T			I		I				
ENGL503			T		I	I		I			
ENGL504			T		I	I		I			
ENGL505			T		I	I		I			
VNSL506			T		I	I		I			
VNHG507			T		I	I		I			
VNCN508			T		I	I		I			
EDSC511	T	T		T	T		T	T	T	T	
EDSC512		T			T	T		T			
EDSC514					T	T					

EDSC513		T			T	T					
CMMS504				T			T				
EDSC521	T				T			T			
EDSC522	T				T	T		T			
EDSC523	T				T	T		T			
EDMA524	T				T	T		T			
EDMA525		T			T	T					
EDMA526		T			T	T					
EDMA541		T			T	T	T		T	T	
EDMA542		T			T	T	T		T	T	
EDMA545					T		T				
EDMA543		T			T	T	T		T	T	
EDMA551		T			T	T	T		T	T	
EDMA552		T			T	T	T		T	T	
EDMA553		T			T	T	T		T	T	
EDMA554		T			T	T	T		T	T	
EDMA555		T			T	T	T		T	T	
EDMA556		T			T	T	T		T	T	
EDMA557		T			T	T	T		T	T	
Thực tập	TU	T			T	T	T		T		
Đề án/Dự án tốt nghiệp	TU	T	U	U	T	T	T	T	T	T	

7.3. Kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa

Mã học phần	Tên học phần	Năm/học kỳ			
		I		II	
		1	2	3	4
PHIL502	Triết học	4			
	Các học phần Tự chọn 1 (Ngoại ngữ) hoặc Tự chọn 2 (Dành cho lưu học sinh)	12			
Tổng cộng kỳ 1		16			
EDSC511	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục		2		
EDSC512	Tâm lí học giáo dục		2		
EDSC514	Hoạt động giáo dục địa phương		2		
	Học phần tự chọn 1 (Khối kiến thức cơ sở)		2		
	Học phần tự chọn 2 (Khối kiến thức cơ sở)		2		
	Học phần tự chọn 3 (Khối kiến thức cơ sở)		2		
	Học phần tự chọn 4 (Khối kiến thức cơ sở)		2		
Tổng cộng kỳ 2			14		
EDMA541	Những vấn đề cơ bản của quản lí giáo dục			3	
EDMA542	Tiếp cận quản lí giáo dục hiện đại			3	
EDMA545	Quản lí nhà trường từ góc nhìn thực tiễn			3	
	Học phần tự chọn 1 (Khối kiến thức chuyên			2	

	ngành)				
	Học phần tự chọn 2 (Khối kiến thức chuyên ngành)			2	
	Học phần tự chọn 3 (Khối kiến thức chuyên ngành)			2	
Tổng cộng kỳ 3				15	
	Thực tập				6
	Đề án/Dự án tốt nghiệp				9
Tổng cộng kỳ 4					15

8. Mô tả tóm tắt các học phần

8.1. Triết học (4 tín chỉ)

Học phần được bố trí giảng dạy - học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo nhằm bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; Học phần còn góp phần bồi dưỡng phẩm chất chính trị cho người học và bổ trợ tri thức, hình thành nền tảng thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn trong nghiên cứu các môn khoa học chuyên ngành.

8.2. Tiếng Anh B2.1 (4 tín chỉ)

Tiếng Anh B2.1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Thạc sĩ ứng dụng. Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho học viên khối kiến thức cũng như kỹ năng thực hành tiếng Anh (kỹ năng nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ trung cao cấp. Bên cạnh đó, học phần giúp học viên rèn luyện và nâng cao kỹ năng phát âm Tiếng Anh. Học phần cũng bước đầu định hướng và giúp học viên làm quen với các định dạng bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ nhằm tiếp cận chuẩn đầu ra Tiếng Anh trong chương trình thạc sĩ ứng dụng.

8.3. Tiếng Anh B2.2 (4 tín chỉ)

Tiếng Anh B2.2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Thạc sĩ ứng dụng và được giảng dạy sau học phần Tiếng Anh B2.1. Học phần này tiếp tục trang bị cho học viên khối kiến thức mở rộng cũng như kỹ năng thực hành tiếng Anh (kỹ năng nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ trung cao cấp. Bên cạnh phát triển các kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh, học phần giúp phát triển tư duy phản biện cho học viên thông qua các chủ đề và nhiệm vụ học tập sử dụng tiếng Anh. Học viên cũng được luyện tập, thực thành làm bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ nhằm tiếp cận chuẩn đầu ra Tiếng Anh trong chương trình thạc sĩ ứng dụng.

8.4. Tiếng Anh B2.3 (4 tín chỉ)

Tiếng Anh B2.3 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Thạc sĩ ứng dụng và là học phần tiếp nối của hai học phần Tiếng Anh B2.1 và Tiếng Anh B2.2. Học phần trang bị cho học viên khối kiến thức chuyên sâu cũng như phát triển kỹ năng thực hành tiếng Anh kỹ năng nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ trung cao cấp. Học viên cũng

tiếp tục được luyện tập, thực thành làm bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ nhằm tiếp cận chuẩn đầu ra Tiếng Anh trong chương trình thạc sĩ ứng dụng.

8.5. Tiếng Việt nâng cao (4 tín chỉ)

Học phần này giúp học viên nâng cao kiến thức, kỹ năng sử dụng Tiếng Việt để đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu ở trình độ thạc sĩ. Nội dung học phần tập trung tăng cường hệ thống từ vựng, nhất là những thuật ngữ trong lĩnh vực giáo dục, rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe, trong đó, chú ý việc đọc các tài liệu học thuật, viết các báo cáo nghiên cứu và trình bày, trao đổi, thảo luận về một vấn đề nghiên cứu tự nhiên hoặc xã hội.

8.6. Lịch sử, địa lý Việt Nam (4 tín chỉ)

Học phần giúp người học hiểu được tiến trình lịch sử, đặc điểm thế giới quan và nhân sinh quan của người Việt Nam, đồng thời trang bị cho người học những kiến thức về vị trí địa lý và lãnh thổ Việt Nam; đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi - biển, đất sinh vật, vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam.

8.7. Văn hóa và các dân tộc Việt Nam (4 tín chỉ)

Học phần tập trung trang bị cho học viên những kiến thức về đặc trưng văn hóa Việt Nam, một số lễ hội tiêu biểu, những nét đặc thù về tôn giáo, tín ngưỡng của Việt Nam, đồng thời cung cấp hệ thống tri thức về các dân tộc ở Việt Nam, bao gồm: sự phân bố và đặc điểm văn hóa của các tộc người ở Việt Nam; đường lối, chính sách của Nhà nước Việt Nam về phát triển văn hóa các dân tộc.

8.8. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản Đại cương nghiên cứu khoa học trong QLGD; Phương pháp luận NCKH giáo dục; Các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục; Quy trình tổ chức nghiên cứu khoa học giáo dục. Học phần giúp học viên nắm vững những hướng nghiên cứu cơ bản trong khoa học giáo dục và những yêu cầu cơ bản trong nghiên cứu khoa học giáo dục. Hình thành các kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng tổ chức hoạt động NCKH giáo dục.

8.9. Tâm lý học giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho học viên những lý thuyết khoa học trong tâm lý học về quá trình học tập ở con người, bản chất, những đặc điểm và ứng dụng cơ bản của chúng trong dạy học và giáo dục, giúp học viên lý giải bản chất của việc học và của người học, mô tả quá trình học tập, đặc điểm của hoạt động học tập, qui luật của hành vi học tập và quan hệ của học tập với những điều kiện sinh học, tâm lý, văn hóa, xã hội v.v... và chỉ ra việc dạy học và giáo dục phải như thế nào thì thích hợp với bản chất tâm lý của người học và việc học.

8.10. Hoạt động giáo dục địa phương (2 tín chỉ)

Học phần này giúp cho người học tìm hiểu và thu thập những thông tin cụ thể, thực tế về hoạt động giáo dục tại địa phương, bao gồm: nội dung giáo dục địa phương,

các hoạt động giáo dục tại nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông mới và yêu cầu đổi mới giáo dục, những thuận lợi và khó khăn của các địa phương trong việc tổ chức triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới,... Học phần được thực hiện bằng hình thức đi thực tế và trải nghiệm thực tiễn giáo dục tại các cơ sở giáo dục tại địa phương (Sở/Phòng GD&ĐT, các trường mầm non/phổ thông, các trường ĐH, CĐ của địa phương,...)

8.11. Tiếp cận năng lực trong phát triển nghề nghiệp giáo viên (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức, phương pháp tư duy và hành động về phát triển năng lực nghề nghiệp của giáo viên, đáp ứng những đổi mới của giáo dục nhà trường theo tiếp cận năng lực, giúp người học hiểu được các khái niệm cơ bản như năng lực, tiếp cận năng lực, phát triển nghề nghiệp của giáo viên, chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn đầu ra, mô hình nghiên cứu bài học và việc xác định các con đường, cách thức phát triển giáo viên theo tiếp cận năng lực.

8.12. Chương trình, phương pháp và kỹ năng dạy học hiện đại (2 tín chỉ)

Chương trình, phương pháp và kỹ năng dạy học hiện đại là lĩnh vực học thuật nền tảng của Lý luận dạy học hiện đại, giới thiệu những tiền đề lý thuyết khoa học và các kỹ năng phát triển chương trình, kỹ năng dạy học và phương pháp dạy học được thực hiện quá trình giảng dạy, bản chất, những đặc điểm và ứng dụng cơ bản của chúng trong dạy học và giáo dục. Nội dung học phần bao gồm 3 phần chủ yếu: 1/Lý luận và kỹ năng phát triển chương trình giáo dục; 2/Lý luận và ứng dụng phương pháp dạy học; 3/Lý luận và ứng dụng kỹ năng dạy học.

8.13. Chuẩn giáo dục và Lý thuyết chương trình giáo dục (2 tín chỉ)

Chuẩn và lý thuyết chương trình giáo dục là lĩnh vực học thuật nền tảng của lý luận dạy học hiện đại, giới thiệu những tiền đề khoa học, những lý thuyết khoa học về chuẩn giáo dục và chương trình giáo dục nói chung, bản chất, những đặc điểm và ứng dụng cơ bản của chúng trong dạy học và giáo dục. Đó là hai vấn đề luôn gắn chặt với nhau trong phát triển chương trình, quản lý chương trình, hoạt động dạy học của nhà trường. Chương trình giáo dục cần được quản lý và phát triển dựa vào chuẩn giáo dục quốc gia. Ngược lại các chuẩn giáo dục hiện đại thường được phát triển theo tiếp cận năng lực và dựa vào những kỹ thuật nhất định.

8.14. Văn hóa nhà trường hiện đại (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: văn hóa nhà trường và tầm quan trọng của việc xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường; vai trò của hiệu trưởng trong lãnh đạo và phát triển văn hóa nhà trường; hệ thống các giá trị cốt lõi để phát triển văn hóa nhà trường; nhiệm vụ của nhà quản lý trong việc phát triển văn hóa nhà trường; cách xác định được các giá trị cốt lõi và cách thức lãnh đạo phát triển văn hóa nhà trường. Thông qua đó học viên có thái độ tích cực, quyết tâm lãnh đạo phát triển văn hóa nhà trường.

8.15. Giáo dục so sánh (2 tín chỉ)

Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề về quá trình hình thành và phát triển, khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu của giáo dục so sánh; các nguyên tắc, cách tiếp cận và các kỹ thuật so sánh giáo dục, qua đó giúp người học nắm được các kiến thức cơ bản về giáo dục so sánh như: quá trình hình thành, khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu; các nguyên tắc, cách tiếp cận và các kỹ thuật so sánh giáo dục.

8.16. Tâm lý học quản lý, lãnh đạo (2 tín chỉ)

Trên nền tảng kiến thức về tâm lý học đại cương đã được học ở đại học, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tâm lý học trong công tác quản lý, những kiến thức về tâm lý cá nhân, tâm lý tập thể và ý nghĩa của chúng trong công tác của nhà quản lý. Ngoài ra, giúp cho học viên biết được những phẩm chất cơ bản của nhà quản lý, những hiện tượng tâm lý điển hình của nhà quản lý.

8.17. Kinh tế học giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý thuyết và hình thành kỹ năng thuộc lĩnh vực kinh tế học giáo dục của trường học hay cơ quan quản lý giáo dục địa phương; trang bị cho người học biết đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu kinh tế học giáo dục; quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển giáo dục; giáo dục trong điều kiện toàn cầu hóa và kinh tế tri thức; đầu tư phát triển giáo dục thế giới và Việt Nam.

8.18. Xã hội học giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần giới thiệu tổng quan về Xã hội học và Giáo dục học; các vấn đề cơ bản của Xã hội học giáo dục. Qua đó giúp người học khái quát lịch sử phát triển xã hội học, Giáo dục học và Xã hội học giáo dục, hiểu các khái niệm và phạm trù cơ bản của xã hội học giáo dục; mối quan hệ giữa thiết chế giáo dục và các lĩnh vực khác của xã hội học.

8.19. Những vấn đề cơ bản của quản lý giáo dục (3 tín chỉ)

Học phần này sẽ đem đến cho người học những kiến thức chung về khoa học quản lý giáo dục làm cơ sở nền tảng cho việc xem xét quá trình quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục, đồng thời đem đến cho người học những kinh nghiệm trong quản lý giáo dục ở các nước và vấn đề đổi mới quản lý giáo dục hiện nay.

8.20. Tiếp cận quản lý giáo dục hiện đại (3 tín chỉ)

Học phần giúp học viên có những hiểu biết, cách nhìn và cách giải quyết trên bình diện tổng thể các vấn đề về giáo dục và quản lý giáo dục. Đó là các tiếp cận hệ thống, tiếp cận phức hợp, tiếp cận lý thuyết hành vi, tiếp cận văn hóa quản lý, tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể, tiếp cận dựa vào nhà trường..

8.21. Quản lý nhà trường từ góc nhìn thực tiễn (3 tín chỉ)

Học phần giúp cho người học có những trải nghiệm tế và cơ hội tìm hiểu, thu thập dữ liệu về thực tiễn quản lý nhà trường tại các cơ sở giáo dục. Qua học phần này, học viên sẽ áp dụng các phương pháp nghiên cứu thực tiễn đã được trang bị ở học phần

Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục vào việc điều tra, khảo sát thực trạng quản lý dạy học, quản lý đánh giá học sinh, quản lý phát triển chương trình nhà trường, quản lý phát triển đội ngũ, quản lý các hoạt động trải nghiệm,..., từ đó, có căn cứ để đưa ra những đánh giá khách quan về thực tiễn quản lý giáo dục tại địa phương cũng như đề xuất các giải pháp/biện pháp quản lý phù hợp.

8.22. Thể chế nhà nước trong giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp những khái niệm về quản lý Nhà nước; phân tích đặc điểm, nội dung và hình thức quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo ở nước ta; quản lý hành chính nhà nước về giáo dục và đào tạo; ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục; xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chương trình quốc gia về phát triển giáo dục; quy định mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục, tiêu chuẩn giáo viên, trường sở và thiết bị giáo dục, quy chế thi và hệ thống văn bằng; tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục; chính sách GD&ĐT; quy trình và phương pháp triển khai chính sách trong QLNN về GD&ĐT; phương pháp phân tích đánh giá trong QLNN về GD&ĐT; quản lý và thực thi hệ thống văn bản quản lý nhà nước trong giáo dục và đào tạo; văn bản QLNN trong GD&ĐT.

8.23. Phát triển chính sách và chiến lược trong giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những cơ sở lý luận và thực tiễn của việc xây dựng chiến lược giáo dục; những vấn đề có tính chất phương pháp luận, quan điểm, quy trình cũng như phương pháp xây dựng chiến lược phát triển giáo dục; chính sách giáo dục, quy trình xây dựng và thực thi chính sách giáo dục.

8.24. Quản lý chương trình giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về xây dựng và phát triển chương trình học và tổ chức quá trình đào tạo, từ đó giúp người học chủ động áp dụng kiến thức đã học vào chương trình giảng dạy thực tế.

8.25. Quản lý nhân sự và nguồn nhân lực trong giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về quản trị nhân sự và nguồn nhân lực trong giáo dục. Trong đó, chú ý mục tiêu, chức năng, vai trò môi trường của quản trị nhân sự; học viên phân tích được công việc, biết hoạch định nguồn nhân lực, biết cách tuyển nhân sự hiệu quả, biết sử dụng và phát triển nguồn nhân sự ngày một chất lượng cao.

8.26. Quản lý tài chính và hạ tầng vật chất-kỹ thuật trong giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các hoạt động quản lý tài chính - CSVC, biện pháp quản lý các hoạt động này trong nhà trường, làm cơ sở để học viên nghiên cứu, thực hiện việc quản lý, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động này ở nhà trường. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chuyên môn và chuyên môn trong giáo dục; kiến thức cơ bản về quản lý

chuyên môn trong giáo dục (khái niệm, đặc điểm, nhiệm vụ của quản lý chuyên môn ở các cấp quản lý giáo dục, đặc biệt là nhiệm vụ quản lý chuyên môn ở cấp cơ sở (nhà trường)).

8.27. Quản lý chuyên môn trong giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chuyên môn và chuyên môn trong giáo dục; kiến thức cơ bản về quản lý chuyên môn trong giáo dục (khái niệm, đặc điểm, nhiệm vụ của quản lý chuyên môn ở các cấp quản lý giáo dục, đặc biệt là nhiệm vụ quản lý chuyên môn ở cấp cơ sở (nhà trường)).

8.28. Dự báo, thống kê và thông tin giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về Dự báo (khái niệm, vai trò và nguyên tắc của dự báo, phân loại dự báo và phương pháp dự báo); cung cấp một số kiến thức cơ bản về thống kê (khái niệm, vị trí vai trò của thống kê, các loại thống kê, phương pháp thống kê); cung cấp những kiến thức cơ bản về thông tin và hệ thống thông tin quản lý giáo dục, thực trạng hệ thống thông tin quản lý giáo dục Việt Nam.

8.29. Quản lý chất lượng trong giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cơ sở tri thức khoa học ở trình độ sau đại học và hướng dẫn nghiên cứu về quản lý chất lượng giáo dục, ứng dụng nó một cách hệ thống, thiết thực vào công tác quản lý, đáp ứng yêu cầu hiểu và áp dụng những cơ sở tri thức này ở cơ sở giáo dục và các cấp quản lý giáo dục. Trong đó, chú trọng vấn đề về chất lượng và quản lý chất lượng giáo dục, các mô hình quản lý chất lượng tổng thể (TQM) và các mô hình quản lý chất lượng theo chuẩn ISO, trong đó đặc biệt nhấn mạnh những cách hiểu mới và thích hợp với bối cảnh nghiên cứu và thực tiễn quản lý giáo dục hiện nay ở Việt Nam.

8.30. Thực tập (6 tín chỉ)

Thực tập là hoạt động thực tiễn, trải nghiệm nghề nghiệp bắt buộc đối với học viên, đòi hỏi học viên phải tiến hành vận dụng các kiến thức và kỹ năng quản lý giáo dục đã được trang bị trong chương trình đào tạo vào thực tiễn quản lý tại các nhà trường hoặc các cơ sở giáo dục và đào tạo. Trong đó, tập trung vào việc xây dựng và triển khai hiệu quả các nội dung, quy trình quản lý giáo dục; nhận diện, mô tả, phân tích, đánh giá, cải tiến hiệu quả quản lý giáo dục trong thực tiễn nhà trường. Do đặc thù của công tác quản lý nên người học chủ yếu thực hiện hoạt động thực tập thông qua việc tham gia vào một số khâu thích hợp của quy trình quản lý giáo dục.

8.31. Đề án/Dự án tốt nghiệp (9 tín chỉ)

Đề án/Dự án tốt nghiệp giúp học viên ứng dụng những kiến thức liên ngành, chuyên ngành Quản lý giáo dục và các kỹ năng nghiên cứu vào tìm hiểu, phát hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý giáo dục, đồng thời đề xuất và chứng minh tính hiệu quả của các biện pháp đã đề xuất. Kết quả của việc triển khai đề án/Dự án tốt nghiệp được thể hiện dưới dạng một bản báo cáo (bản thuyết minh) quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đề án), đáp ứng các yêu cầu: (i) Đề xuất và kiểm nghiệm

được mô hình, biện pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn Quản lý giáo dục; thể hiện năng lực ứng dụng tri thức khoa học vào giải quyết vấn đề của học viên; (ii) Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam; (iii) Tuân thủ quy định của Trường về liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ..

9. Hướng dẫn thực hiện và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo

9.1. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

9.1.1. Nhà trường

- Xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn giáo trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy.

- Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo quy định.

- Công bố công khai trên website của Trường: văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy.

9.1.2. Phòng Đào tạo

- Xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy.

- Phối hợp tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

- Phối hợp quản lý việc học tập, việc thi và nghiên cứu của học viên;

- Chủ động đề xuất với trường trong hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ với các cơ sở trong và ngoài nước.

9.1.3. Giảng viên giảng dạy và hướng dẫn

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của Trường và của nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

- Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

9.1.4. Học viên

- Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của nhà nước và của Trường.

- Được phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của Trường về chương trình đào tạo.

9.2. Hướng dẫn đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo

9.2.1. Rà soát, điều chỉnh thường xuyên chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, cập nhật tối thiểu 2 năm một lần và thường xuyên rà soát trong quá trình thực hiện.

- Việc rà soát chương trình đào tạo được thực hiện: căn cứ mức độ đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình

độ của giáo dục đại học, và các quy định hiện hành khác có liên quan; dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và phản hồi của các bên liên quan.

- Kết quả rà soát chương trình đào tạo được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

9.2.2. *Đánh giá tổng thể chương trình đào tạo*

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

9.2.3. *Công bố chương trình đào tạo*

Hiệu trưởng công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

Chương trình đào tạo (gồm Mô tả chương trình đào tạo và 100% đề cương chi tiết các học phần) được công bố công khai để các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học,...) có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

9.2.4. *Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo*

Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện với quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quy trình kiểm định chất lượng (gồm: tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn chất lượng), chương trình đào tạo được đối sánh với với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài được sử dụng làm căn cứ xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chất lượng.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Quang Huy